

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST

Ngày: 10-12- 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử
lý hợp đồng thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh – Ông Lê Văn Đô

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST – KDTM ngày 22/7/2021 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST – KDTM ngày 21/10/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST – KDTM ngày 11/11/2021 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (ViettinBANK)

Địa chỉ: quận Hoàn Kiếm – TP. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh V – Cán bộ tổng hợp – Chi
nhánh Bắc Giang – có mặt

Bị đơn: Ông Vũ Thành B, sinh năm 1978 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn NG, xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn NG, xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1979 – vắng mặt

3. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1979 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn ĐT, xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1956 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn ĐT, xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

5. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn ĐT, xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

6. Ông Vũ Đức K, sinh năm 1957 – vắng mặt

7. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1959 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn NG, xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A bày:

Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc Ông Vũ Thành B phải trả cho Ngân hàng Công Thương toàn bộ số tiền nợ gốc cùng số tiền lãi (bao gồm cả lãi trong hạn, lãi quá hạn) và các khoản phí *(nếu có)* theo chi tiết tại Hợp đồng tín dụng số: 028-100-08/2018-HĐCVHM/NHCT280 ngày 04/04/2018, các văn bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng tín dụng (nếu có) và các giấy nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng này *(tính đến hết ngày 25/04/2021)* là: 2.704.603.633 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm linh bốn triệu sáu trăm linh ba nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng) cụ thể: Số tiền nợ gốc: 2.300.000.000 đồng và Số tiền nợ lãi 404.603.633 đồng. Các lần cho vay và giải ngân cụ thể như sau:

SỐ TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN GIẢI NGÂN	LÃI SUẤT CHO VAY	NGÀY GIẢI NGÂN	NGÀY TRẢ NỢ
861004127898	1.000.000.000	6.5%/năm	08/03/2019	08/09/2019
864003955811	370.000.000	6.5%/năm	12/12/2018	12/06/2019
866004135109	700.000.000	6.5%/năm	12/03/2019	12/09/2019
868004147205	230.000.000	6.5%/năm	15/03/2019	15/09/2019

Yêu cầu Toà án buộc Ông Vũ Thành B phải tiếp tục trả lãi cho vay trong hạn, lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn cho Ngân hàng Công thương theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng trên đối với số tiền nợ gốc thực tế kể từ ngày Ngân hàng Công thương có đơn khởi kiện cho đến khi thi hành án xong theo qui định tại khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015.

Yêu cầu Tòa án xem xét xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thì Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án nhằm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Công thương:

Tài sản 1:

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0529-041-08/HĐBĐ ngày 09/03/2016 là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận QSDĐ số: AI 847974, sổ vào sổ cấp GCN: 02407/CMĐ do UBND huyện Phú Bình cấp ngày 30/12/2008.

***/ Thửa đất số: 1461a**

- Diện tích: 100 m² (một trăm mét vuông); Thửa đất số: 1461a; Tờ bản đồ số: 05; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn; Thời hạn sử dụng: lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

***/ Thửa đất số: 1461**

Diện tích: 132 m² (một trăm ba mươi hai mét vuông)

Thửa đất số: 1461; Tờ bản đồ số: 05; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: 12/2049

Nguồn gốc sử dụng: Nhận QSD đất do chuyển nhượng.

Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Thuộc quyền sở hữu sử dụng của Hộ ông Nguyễn Mạnh T.

Tài sản 2:

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0530-041-08/HĐBĐ ngày 09/03/2016 là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận QSDĐ số: BB 167647, sổ vào sổ cấp GCN: 02639/QSDĐ do UBND huyện Phú Bình cấp ngày 09/03/2011.

***/ Thửa đất số: 863**

- Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Thửa đất số: 863

- Tờ bản đồ số: 4

- Diện tích: 100 m² (một trăm mét vuông)

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

- Thời hạn sử dụng: lâu dài

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

***/ Thửa đất số: 864**

- Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Thửa đất số: 864

- Tờ bản đồ số: 4

- Diện tích: 12.5 m² (mười hai phẩy lăm mét vuông)

- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa.

- Thời hạn sử dụng: 12/2063

- Nguồn gốc sử dụng: Nhận QSD đất do chuyển nhượng QSD đất

***/ Thửa đất số: 865**

Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Thửa đất số: 865; Tờ bản đồ số: 4; Diện tích: 33 m² (Ba mươi ba mét vuông); Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa; Thời hạn sử dụng: 12/2063; Nguồn gốc sử dụng: Nhận QSD đất do chuyển nhượng QSD đất

Thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Nguyễn Song T2 và bà Trần Thị H.

Tài sản 3:

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 0330-075-08/2017/HĐBĐ ngày 13/03/2017 là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận QSDĐ số: P 158018, sổ vào sổ cấp GCN: 19AQSDĐ/527/1999/QĐ-UB(H) do UBND huyện Hiệp Hòa cấp ngày 25/02/2000.

Địa chỉ thửa đất: Xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Thửa đất số: 26; Tờ bản đồ số: 13; Diện tích: 195 m² (Một trăm chín mươi lăm mét vuông); Mục đích sử dụng đất: Thổ cư; Thời hạn sử dụng: Lâu dài

Thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Vũ Đức K và bà Hoàng Thị H.

Tài sản 4:

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0391-041-08/HĐBĐ ngày 29/06/2015 là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận QSDĐ số: AI 817585 do UBND huyện Hiệp Hòa cấp ngày 23/04/2007.

- Địa chỉ thửa đất: Khu vực Núi Bó, Thôn NG, Xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số: 04

- Tờ bản đồ số: 13

- Diện tích: 99 m² (Chín mươi chín mét vuông)

- Hình thức sử dụng: Riêng 99m², chung: Không m²

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

- Thời hạn sử dụng: Lâu dài

Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Vũ Thành B và bà Nguyễn Thị Q.

Tài sản 5:

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0531-041-08/HĐBĐ ngày 08/03/2016 là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận QSDĐ số: Q 793792, sổ vào sổ cấp GCN: 00097 QSDĐ/492/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện Hiệp Hòa cấp ngày 06/09/2000.

- Địa chỉ thửa đất: Xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số: 364; Tờ bản đồ số: 13; Diện tích: 650 m² (Sáu trăm năm mươi mét vuông); Mục đích sử dụng: 300m² Đất ở và 350m² đất vườn.

- Thời hạn sử dụng: Lâu dài

Thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Vũ Thành B và bà Nguyễn Thị Q.

Đến hạn trả nợ nhưng Ông Vũ Thành B không thanh toán được cho Ngân hàng dẫn đến khoản nợ bị quá hạn thanh toán. Ngân Hàng Công Thương đã nhiều lần làm việc với Ông Vũ Thành B nhưng Ông Vũ Thành B vẫn tiếp tục không chịu thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Vũ Thành B trình bày:

Ngày 04/4/2018 anh được Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh tỉnh Bắc Giang cho vay số tiền là 2.300.000.000 đồng theo hợp đồng vay hạn mức số 028-100-08/2018HĐCVHM/NHCT280. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 03/4/2018 đến hết ngày 03/4/2019, thời hạn trả nợ gốc lần cuối ngày 12/9/2018. Mục đích vay là để sử dụng mua bán thức ăn gia súc gia cầm, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Sau khi được vay vốn anh đã đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp trường trại, mua con giống, mua thức ăn và tiến hành chăn nuôi lợn gồm lợn nái, lợn thịt và lợn đực giống. Trong quá trình chăn nuôi lợn anh đã thực hiện đúng các quy định kỹ thuật để đảm bảo cho đàn vật nuôi phát triển tốt. Tuy nhiên, trong thời gian dịch tả lợn châu phi đã bùng phát làm thiệt hại lớn cho anh gia đình anh. Ngày 03/5/2019 Chi cục chăn nuôi thú ý Bắc Giang, một số cơ quan chức năng của tỉnh và huyện Hiệp Hòa đã phối hợp với UBND xã HL kiểm tra, xác minh thực tế đàn lợn của gia đình anh. Qua kiểm tra, đoàn kiểm tra đã xác định toàn bộ đàn lợn của gia đình anh đã bị nhiễm bệnh dịch tả Châu phi và yêu cầu gia đình xử lý kịp thời. Cùng ngày 03/5/2019 Ban chỉ đạo phòng chống dịch của xã HL đã lập biên bản chôn hủy toàn bộ số lợn nói trên của gia đình anh. Việc đàn lợn bị dịch tả và phải tiêu hủy đã gây thiệt hại rất nặng nề về kinh tế cho gia đình anh, khiến cho gia đình anh không có khoản thu nhập nào để trả nợ cho ngân hàng theo như đã cam kết khi vay. Anh B đề nghị ngân hàng tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho gia đình anh theo công văn số 1901/NHNN – TD ngày 21/3/2019 của ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hỗ trợ khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu phi. Về số tiền gốc và tiền lãi ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh B phải trả anh không có ý kiến, anh đề nghị được trả dần khoản nợ gốc, lãi trong hạn, còn lãi quá hạn anh xin được miễn. Về các tài sản thế chấp anh không có ý kiến gì. Vào tháng 7/2021 anh đã trả được cho ngân hàng số tiền là 100 triệu đồng.

- **Chị Nguyễn Thị Q trình bày:** Anh B là em rể của chị. Vào tháng 3/2016 anh B có vay Ngân hàng thương mại cổ phần A để làm ăn và chị có ký vào howpji đồng thế chấp tài sản đối với các thửa đất 1461 và 1461A, giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Mạnh T và bà Vũ Thị T1. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh B trả nợ và xử lý tài sản thế chấp chị đề nghị tạo điều kiện cho anh B trả dần.

Anh Nguyễn Mạnh T trình bày: tháng 3/2016 vợ chồng em gái anh là Vũ Thành B và Nguyễn Thị Q có đặt vấn đề mượn tài sản của anh để thế chấp khoản vay trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Anh có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 1461a tờ bản đồ số 5 diện tích 100m² và thửa đất số 1461 tờ bản đồ số 5, diện tích 132m² tại xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Nay ngân hàng khởi kiện anh B anh đề nghị ngân hàng và Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng anh B được trả nợ dần.

Chị Vũ Thị T1 trình bày: tháng 3/2016 vợ chồng em gái chị là Vũ Thành B và Nguyễn Thị Q có đặt vấn đề mượn tài sản của chị để thế chấp khoản vay trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Chị có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 1461a tờ bản đồ số 5 diện tích 100m² và thửa đất số 1461 tờ bản đồ số 5, diện tích 132m² tại xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Nay ngân hàng khởi kiện anh B anh đề nghị ngân hàng và Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng anh B được trả nợ dần.

Bà Trần Thị H trình bày: tháng 3/2016 vợ chồng con gái bà là Vũ Thành B và Nguyễn Thị Q có đặt vấn đề mượn tài sản của anh để thế chấp khoản vay trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Bà có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 863 và 864 tờ bản đồ số 4 thửa đất số 865 tờ bản đồ số 5, diện tích 132m² tại xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo cho khoản vay. Nay ngân hàng khởi kiện anh B anh đề nghị ngân hàng và Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng anh B được trả nợ dần.

Bà Hoàng Thị H, ông Vũ Đức K cùng trình bày: Bà có ký hợp đồng đảm bảo cho khoản vay của ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam cho con trai bà là Vũ Thành B Vay, với mục đích vay là sản xuất chăn nuôi. Tuy nhiên, trong thời gian qua dịch tả lợn châu phi đã bùng phát hầu hết trên các tỉnh thành của cả nước và huyện Hiệp Hòa là một trong những điểm bùng phát dịch tả Châu Phi làm thiệt hại to lớn đối với người chăn nuôi trong đó có anh B con trai bà. Vì thế nên anh B chưa trả nợ được Ngân hàng thương mại cổ phần A. Nay gia đình mong muốn Tòa án huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang dàn xếp tạo điều kiện cho anh B trả nợ dần Ngân hàng không muốn bị xử lý tài sản dưới mọi hình thức.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:

Ngày 26/07/2021, ông Vũ Thành B đã trả 100.000.000 đồng, số tiền này được ngân hàng hạch toán giảm trừ vào dư nợ gốc tài khoản tiền vay số 864003955811 của ông Vũ Thành B. Ngày 29/11/2021, ông Vũ Đức K (bố đẻ ông Bắc – chủ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 0330-075-08/2017/HĐBĐ ngày 13/03/2017) đến Ngân hàng và trả số tiền 700 triệu đồng, số tiền này được hạch toán giảm trừ vào dư nợ gốc tài khoản vay số 866004135109 của ông Vũ Thành B, Ngân hàng đồng ý đề ông Kỳ trả khoản nợ và đề nghị không tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 0330-075-08/2017/HĐBĐ ngày 13/03/2017.

Nay ngân hàng yêu cầu Toà án buộc Ông Vũ Thành B phải trả cho Ngân hàng Công Thương toàn bộ số tiền nợ gốc cùng số tiền lãi (bao gồm cả lãi trong hạn, lãi quá hạn) và các khoản phí (nếu có) theo chi tiết tại Hợp đồng tín dụng số: 028-100-08/2018-HĐCVHM/NHCT280 ngày 04/04/2018, các văn bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng tín dụng (nếu có) và các giấy nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng này (tính đến ngày 10/12/2021) là: 2.036.668.612 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ không trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười hai đồng) cụ thể: Số tiền nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Số tiền nợ lãi: 536.668.612 đồng, trường hợp ông Bắc không trả được nợ thì đề nghị được xử lý các tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trừ tài sản của ông Kỳ, bà Hội.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015 như không tham gia phiên tòa xét xử ngày 11/11/2021 không có lý do.

Về nội dung, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466, 468, 470, 317, 318, 319 370, khoản 2 Điều 357, Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30; 35, 39, Điều 147; Điều 271; Điều 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Buộc anh Vũ Thành B phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 10/12/2021 là: 2.036.668.612 đồng (1.500.000.000 đồng và Tính đến ngày xét xử, số tiền lãi trong hạn anh B còn nợ ngân hàng là 414.203.151 đồng, lãi quá hạn của anh B còn nợ ngân hàng là 166.902.191 đồng, tổng số tiền lãi anh B đã trả được cho ngân hàng là: 44.436.730 đồng. Do vậy, tổng số tiền lãi trong hạn, quá hạn anh B phải trả cho ngân hàng là 536.668.612 đồng). Và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng kể từ ngày 11/12/2021 đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp anh B không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên xử lý các tài sản thế chấp với Ngân hàng trừ tài sản của ông Vũ Văn Kỳ, bà Hoàng Thị H như đề nghị của phía ngân hàng.

Về án phí: Anh B phải chịu 72.773.372 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 2.700.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Vũ Thành B có nơi cư trú tại thôn NG, xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trả tiền gốc và lãi. Anh B là hộ gia đình có kinh doanh, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã thụ lý giải vụ án kinh doanh thương mại là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Sau khi Tòa án nhận được đơn của ngân hàng, Tòa án đã xử lý theo luật định. Trong đơn ngân hàng xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Song T2 (người đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay) và được Tòa án chấp nhận. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã đưa ông Tàn vào tham gia tố tụng và gửi thông báo thụ lý vụ án cho ông Tàn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án được biết và thu thập chứng cứ xác định được ông Tàn đã chết ngày 04/11/2020 trước cả thời điểm ngân hàng nộp đơn và Tòa án thụ lý vụ án. Đây là tình tiết mà cả người khởi kiện và Tòa án đều không biết được. Do vậy, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án ông Tàn đã chết nên ông Tàn không thể tham gia tố tụng theo quy định được. Do đó Tòa án chấp dứt tư cách tố tụng của ông Tàn và không xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tàn là đúng quy định của pháp luật. Ông Tàn có 3 người con đẻ với bà Hoa đều đã tham gia tố tụng trong vụ án, ông Tàn không có con nuôi, anh Tuyển trình bày ông Tàn có con riêng nhưng không xuất trình hay cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông Tàn có con riêng là ai. Do vậy, Tòa án không có căn cứ để xác định con riêng của ông Tàn là ai để đưa vào tham gia tố tụng tại Tòa án

Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về ý kiến của anh B cho rằng khoản nợ của anh thuộc đối tượng được cơ cấu lại nợ, HĐXX thấy: Ngày 21/3/2019 Ngân hàng nhà nước Việt Nam có công văn số 1901 về việc hỗ trợ khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu phi. Ngày 03/6/2019 ông Bắc có đơn gửi ngân hàng đề nghị được xem xét đối với khoản nợ của ông, ngày 19/7/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần A chi nhánh tỉnh Bắc Giang đã có công văn trả lời ông Bắc về việc ông không đủ điều kiện để cơ cấu lại nợ do vậy Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện anh B phải thanh toán trả khoản nợ gốc và lãi còn lại là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

[2.1] Về số tiền gốc còn phải trả của bị đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (viết tắt là ngân hàng) cho anh Vũ Thành B vay tiền để làm ăn phát triển kinh tế gia đình với số gốc ban đầu là 2.300.000.000 đồng. Quá trình vay bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ nên ngân hàng đã khởi kiện. Trong quá trình Tòa án giải

quyết vụ án phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả được số tiền là 800 triệu đồng và được ngân hàng trừ vào số tiền gốc. Nay ngân hàng yêu cầu bị đơn anh B phải trả tiếp số tiền gốc còn nợ lại 1.500.000.000 đồng, đây là thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và là yêu cầu có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] Về mức lãi, tiền lãi và lãi suất: Anh B là hộ có đăng ký kinh doanh, vay tiền với mục đích là để phát triển chăn nuôi lợn và thức ăn chăn nuôi. Việc vay tiền để phát triển kinh tế của hộ gia đình anh B là theo quy định của chính phủ tại nghị định số 55/2015/NĐ – CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn mà anh B thuộc đối tượng theo quy định tại nghị định này. Theo quy định tại Điều 10 của nghị định 55/2015/NĐ – CP ngày 09/6/2015 và điểm a khoản 2 Điều 13 thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2019 của Ngân hàng nhà nước thì *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ”*. Tại điểm 1 khoản 1 quyết định số 1425/QĐ – NHNN ngày 07/7/2017 của ngân hàng nhà nước quy định lãi suất cho vay tối đa ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 6,5%/năm. Hợp đồng tín dụng giữa anh B và Ngân hàng thuộc trường hợp này. Trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ giữa ngân hàng và anh Vũ Thành B thỏa thuận mức lãi suất khác nhau, khi thì 8,3%/năm, khi thì 8,5%/năm, khi thì 9,5% là trái quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã phát hiện ra việc này và giữa ngân hàng với bị đơn anh B đã ký phụ lục hợp đồng về việc điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật vào ngày 10/12/2018. Trong thực tế giải ngân và tính lãi ngân hàng đã tự áp dụng một mức lãi suất là 6,5% từ khi giải ngân cho anh B đến khi hết thời hạn vay là phù hợp với quy định của pháp luật, ngân hàng cũng chưa thu quá tiền lãi đối với anh B nên không đặt ra xem xét đối với phần thỏa thuận lãi suất trái pháp luật này. Trong hợp đồng tín dụng thỏa thuận giữa các bên về lãi suất trong hạn là lãi suất điều chỉnh, thời hạn điều chỉnh lãi suất là 1 tháng một lần. Trong thời hạn vay phía Ngân hàng thương mại cổ phần A đã không áp dụng cơ chế điều chỉnh lãi suất mà áp dụng một mức lãi suất thấp hơn cả mức lãi suất đã thỏa thuận giữa hai bên là do phía ngân hàng tự điều chỉnh. Hai bên thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất trong hạn là 6,5%/năm. Do vậy, lãi suất quá hạn anh B phải chịu với thời gian quá hạn tương ứng với số nợ gốc là $150\% \times 6,5 = 9,75\%$. Tính đến ngày xét xử, số tiền lãi trong hạn anh B còn nợ ngân hàng là 414.203.151 đồng, lãi quá hạn của anh B còn nợ ngân hàng là 166.902.191 đồng, tổng số tiền lãi anh B đã trả được cho ngân hàng là: 44.436.730 đồng. Do vậy, tổng số tiền lãi trong hạn, quá hạn anh B phải trả cho ngân hàng là 536.668.612 đồng.

Do vậy, cần buộc anh B phải trả cho phía ngân hàng số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và 536.668.612 đồng tiền lãi.

[2.3] Về hợp đồng thế chấp: Các tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của anh B được ký hợp đồng và đăng ký thế chấp đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ngân hàng đề nghị không đưa tài sản bảo đảm của ông Vũ Đức K, bà

Hoàng Thị H vào để xử lý vì tài sản này đã được ông Kỳ trả nợ để được giải chấp nên cần chấp nhận ý kiến này của phía ngân hàng.

[3] Về chi phí tố tụng: Do bị thua kiện nên anh B phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ nên cần buộc anh B phải trả số tiền này cho phía ngân hàng.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Do các bên không thỏa thuận về lãi suất đối với số tiền lãi trong hạn chậm thanh toán nên anh B không phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền lãi trong hạn. Anh B chỉ phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 24 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì đây là vụ án có giá ngạch. Căn cứ danh mục kèm theo nghị quyết này thì số tiền án phí anh Vũ Thành B phải chịu là: $72.000.0000 \text{ đồng} + (2.036.668.612 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) \times 2\% = 72.773.372 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157; Điều 158; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 352; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015

Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A. Xử:

1. Buộc anh Vũ Thành B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 2.036.668.612 đồng (Bằng chữ: *Hai tỷ không trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười hai đồng*). Trong đó số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 536.668.612 đồng (năm trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 10/12/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 028-100-08/2018 – HĐCVHM/NHCT280 ngày 04/4/2018 và văn bản sửa đổi, bổ

sung hợp đồng cho vay số 01-100-038/2018-HĐCV – SĐBS/NHCT280 – BAC ngày 10/12/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp anh Vũ Thành B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với các thửa đất sau:

Tài sản 1:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 1461a, Tờ bản đồ số: 05 - Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Thửa đất số: 1461, Tờ bản đồ số: 05, Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Mang tên Hộ ông Nguyễn Mạnh T.

Tài sản 2:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 863, Tờ bản đồ số: 4 - Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với Thửa đất số: 864, tờ bản đồ số 4 Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với Thửa đất số: 865, tờ bản đồ số 4 - Địa chỉ thửa đất: Xã TN, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Các thửa đất này đều mang tên ông Nguyễn Song T2 và bà Trần Thị H.

Tài sản 3:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 04, Tờ bản đồ số: 13 - Địa chỉ thửa đất: Khu vực Núi Bó, Thôn NG, Xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mang tên ông Vũ Thành B và bà Nguyễn Thị Q.

Tài sản 4:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 364 Tờ bản đồ số: 13 Xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Mang tên ông Vũ Thành B và bà Nguyễn Thị Q.

2. Về án phí:

- Anh Vũ Thành B phải chịu 72.773.372 đồng (bảy mươi hai triệu bảy trăm bảy ba nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương số tiền 53.600.000 đồng (năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0000824 ngày 22/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Về chi phí tố tụng: Anh Vũ Thành B phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Buộc anh Vũ Thành B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 2.700.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Văn Chức